

Ý NGHĨA BIỂU TƯỢNG TÁC PHẨM “THE LOVERS” CỦA MARINA ABRAMOVIĆ VÀ ULAY TRONG BỐI CẢNH NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI

ĐẶNG NGUYỄN THƠ
HVCH Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
VƯƠNG TRỌNG ĐỨC
Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Nhận bài ngày 10/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 12/7/2026.

Abstract

Marina Abramović and Ulay's "The Lovers" (1988) is considered one of the quintessential works of contemporary performance art, clearly reflecting conceptual art thinking. This article analyzes the symbolic meaning of the work within the context of contemporary art. The research shows that "The Lovers" not only records the farewell of two artists after more than ten years of collaboration but also transforms personal experience into an artistic symbol of time, love, separation, and the transformations in human relationships. Through the journey of walking along the Great Wall of China, the work uses the body, space, and time as constituent elements of meaning, while emphasizing process and ideas over physical products. The article also points out that the value of The Lovers does not end with its 1988 performance but continues to expand through public reception and interpretation, thereby affirming the work's position in the development of performance art and conceptual art.

Keywords: *The Lovers, Marina Abramović, Ulay, performance art, conceptual art, contemporary art.*

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử mỹ thuật đương đại, Marina Abramović và Ulay được xem là hai nghệ sĩ tiên phong của nghệ thuật trình diễn (Performance Art), có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của loại hình này từ thập niên 1970. Thông qua việc đưa cơ thể, hành động và trải nghiệm thực vào trung tâm sáng tạo, họ đã mở rộng cách tiếp cận tác phẩm nghệ thuật, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa nghệ thuật trình diễn và tư duy ý niệm. Trong số các tác phẩm hợp tác của hai nghệ sĩ, *The Lovers* (1988) giữ vị trí đặc biệt khi đánh dấu sự kết thúc của cả mối quan hệ nghệ thuật và đời sống cá nhân. Cuộc gặp gỡ trên Vạn Lý Trường Thành không chỉ là một sự kiện trình diễn mà còn trở thành biểu tượng của tình yêu, sự chia ly và những chuyển biến trong đời sống con người. Từ góc nhìn nghệ thuật đương đại, bài viết phân tích ý nghĩa biểu tượng của *The Lovers*, qua đó làm rõ cách Marina Abramović và Ulay sử dụng hành trình, cơ thể, thời gian và không gian để kiến tạo ý nghĩa tác phẩm, đồng thời góp phần khẳng định giá trị của nghệ thuật trình diễn và nghệ thuật ý niệm trong mỹ thuật đương đại.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm liên quan

2.1.1. Nghệ thuật đương đại

Theo ấn phẩm *WHAT IS - Modern & Contemporary Art?* của Irish Museum of Modern Art (IMMA), nghệ thuật đương đại được nhận diện chủ yếu từ những năm 1970 đến nay và dùng để chỉ các thực hành nghệ thuật do những nghệ sĩ đương thời sáng tạo (IMMA, n.d.). Trong khi đó, The Museum of Modern Art (MoMA) nhấn mạnh rằng nghệ thuật đương đại phản ánh những vấn đề của thế giới đương đại thông qua đa dạng chất liệu và phương thức biểu đạt (MoMA, n.d.). Tuy nhiên, nếu chỉ hiểu

Email: dangnguyenttho@gmail.com

nghệ thuật đương đại dưới góc độ thời gian thì chưa phản ánh đầy đủ bản chất của loại hình này. Nghệ thuật đương đại thực chất mang trong mình những đặc trưng tư tưởng, cách tiếp cận và ngôn ngữ nghệ thuật phản ánh tinh thần của thời đại (Đình Gia Lê, 2016).

Sự dịch chuyển tư duy thẩm mỹ này diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động về chính trị, xã hội cùng những cuộc khủng hoảng về môi trường, tinh thần và nỗi bất an hiện sinh của con người. Từ đó, các tư tưởng hậu hiện đại và hậu cấu trúc đã tác động mạnh mẽ đến tư duy sáng tác, làm thay đổi cách nhìn về tác phẩm nghệ thuật và vai trò của người tiếp nhận (Đình Gia Lê, 2016). Khác với quan điểm truyền thống cho rằng tác phẩm có ý nghĩa ổn định, các nhà hậu cấu trúc, tiêu biểu là Jacques Derrida cho rằng ý nghĩa luôn thay đổi theo ngữ cảnh, lịch sử và trải nghiệm, không tồn tại một chân lý tuyệt đối.

Quan điểm này mở ra nhiều cách hiểu khác nhau về tác phẩm, đồng thời đề cao vai trò của người xem trong quá trình tiếp nhận và diễn giải (Auslander, 2008). Bên cạnh đó, tinh thần phản nghệ thuật (anti-art) của phong trào Dada và Fluxus, tiêu biểu là tác phẩm Fountain (Vòi phun, 1917) của Marcel Duchamp – một chiếc bồn tiểu công nghiệp được đưa vào không gian triển lãm đã góp phần phá vỡ những quan niệm truyền thống về nghệ thuật và mở đường cho nhiều thực hành nghệ thuật đương đại sau này (Goldberg, 2011). Từ đây, giá trị của tác phẩm không còn chủ yếu nằm ở kỹ năng tạo hình hay chất liệu mà ở ý tưởng và cách nghệ sĩ thể hiện tư duy của mình. Trên nền tảng đó, nghệ thuật đương đại dần xóa nhòa ranh giới giữa nghệ thuật và đời sống, thu hẹp khoảng cách giữa văn hóa tinh hoa và văn hóa đại chúng, đồng thời đặt ra những cách nhìn mới về tính nguyên bản và vai trò của nghệ sĩ (Đình Gia Lê, 2016).

Bên cạnh đó, nghệ thuật đương đại còn kết hợp nhiều hình thức và ngôn ngữ biểu đạt khác nhau, đồng thời đặt ra những cách nhìn mới đối với các quan niệm vốn được xem là chuẩn mực hay bất biến. Quan trọng hơn, ý nghĩa của tác phẩm không còn do nghệ sĩ quyết định hoàn toàn mà được hình thành qua cách cảm nhận và diễn giải của người xem (Auslander, 2008).

2.1.2. Nghệ thuật ý niệm (Conceptual Art)

Nghệ thuật ý niệm (Conceptual Art) là một trong những trào lưu quan trọng của nghệ thuật đương đại, hình thành từ những năm 1960 khi các nghệ sĩ tìm kiếm những phương thức biểu đạt vượt ra ngoài khuôn khổ của nghệ thuật tạo hình truyền thống. Loại hình này chuyển trọng tâm từ sản phẩm hữu hình sang ý tưởng, quá trình sáng tạo và hệ thống tư duy làm nền tảng cho tác phẩm (Lippard, 1973; LeWitt, 1967). Đặc điểm cốt lõi của nghệ thuật ý niệm là đề cao vai trò của ý tưởng. Theo Sol LeWitt (1967), khi ý tưởng đã được xác lập thì quá trình thực hiện chỉ là sự triển khai của một kế hoạch đã được hình thành từ trước. Vì vậy, giá trị của tác phẩm không nằm chủ yếu ở kỹ thuật thể hiện hay hình thức vật chất mà ở chính ý tưởng. Theo cách tiếp cận này, toàn bộ quá trình nghiên cứu, phác thảo, thử nghiệm và thực hiện đều có thể được xem là một phần của tác phẩm. Bên cạnh việc đề cao ý tưởng, nghệ thuật ý niệm còn làm thay đổi mối quan hệ giữa nghệ sĩ, tác phẩm và công chúng. Tác phẩm không còn được xem là một thực thể mang ý nghĩa cố định mà trở thành một cấu trúc mở, cho phép nhiều cách tiếp cận và diễn giải khác nhau. Người nghệ sĩ không áp đặt một cách hiểu duy nhất mà khuyến khích người xem chủ động tham gia vào quá trình kiến tạo ý nghĩa thông qua trải nghiệm của mình. Vì vậy, giá trị của tác phẩm không chỉ nằm ở kết quả cuối cùng mà còn ở khả năng gợi mở đối thoại và suy ngẫm về những vấn đề của đời sống đương đại. Quan niệm này tạo cơ sở để phân tích nhiều thực hành nghệ thuật đương đại, đặc biệt là những tác phẩm kết hợp giữa ý niệm, hành động và trải nghiệm của người xem (Đình Gia Lê, 2016).

Đặc điểm nổi bật của nghệ thuật ý niệm là đặt ý tưởng lên vị trí trung tâm. Sol LeWitt (1967) cho rằng khi ý tưởng đã hình thành thì quá trình thực hiện chỉ là bước triển khai của ý tưởng đó. Vì thế, giá trị của tác phẩm không nằm ở kỹ thuật hay chất liệu mà trước hết ở điều nghệ sĩ muốn truyền đạt. Từ quan niệm này, bản phác thảo, ghi chép, quá trình thử nghiệm hay cách tác phẩm được thực hiện cũng đều có thể trở thành một phần của tác phẩm.

Nghệ thuật ý niệm cũng làm thay đổi cách nhìn về mối quan hệ giữa nghệ sĩ và công chúng. Tác phẩm không còn mang một ý nghĩa duy nhất mà luôn mở ra nhiều cách hiểu khác nhau. Người nghệ sĩ không đưa ra lời giải thích cuối cùng, còn người xem không chỉ quan sát mà tham gia vào quá trình cảm nhận và diễn giải bằng trải nghiệm của chính mình. Chính vì vậy, giá trị của tác phẩm không chỉ nằm ở kết quả cuối cùng mà còn ở những suy nghĩ, đối thoại và cảm nhận mà nó gợi lên. Cách tiếp cận này giúp lý giải nhiều thực hành nghệ thuật đương đại, đặc biệt là những tác phẩm kết hợp giữa ý tưởng, hành động và trải nghiệm của người xem (Đình Gia Lê, 2016).

Ảnh 1: *Fountain* (Marcel Duchamp, 1917)



2.1.3. Nghệ thuật trình diễn (Performance Art)

Nghệ thuật trình diễn (Performance Art) là một loại hình tiêu biểu của nghệ thuật đương đại, trong đó hành động của nghệ sĩ diễn ra trong thời gian thực trở thành chất liệu và nội dung của tác phẩm (Goldberg, 2011). Khác với sân khấu truyền thống, nghệ thuật trình diễn không hướng đến việc tái hiện một kịch bản hay xây dựng nhân vật mà tập trung vào hành động, trải nghiệm trực tiếp và sự hiện diện của cơ thể nghệ sĩ trong một không gian và thời gian xác định (Phelan, 1993). Vì vậy, tác phẩm không tồn tại chủ yếu dưới dạng một vật thể hữu hình mà được hình thành như một sự kiện nghệ thuật thông qua mối quan hệ giữa nghệ sĩ, không gian và người xem (Auslander, 2008).

Phát triển mạnh từ thập niên 1960 trên nền tảng của Dada, Fluxus và nghệ thuật ý niệm, nghệ thuật trình diễn đã mở rộng quan niệm về tác phẩm nghệ thuật từ đối tượng vật chất sang hành động, thời gian và trải nghiệm (Goldberg, 2011; Phelan, 1993). Loại hình này ngày càng khẳng định vị thế như một phương thức biểu đạt các vấn đề xã hội, văn hóa và chính trị, đồng thời xem cơ thể của nghệ sĩ là phương tiện sáng tạo và truyền tải ý nghĩa (Jones, 1998).

Về đặc trưng, nghệ thuật trình diễn được xác định bởi bốn yếu tố cơ bản: thời gian (temporality), không gian trình diễn (spatiality), cơ thể nghệ sĩ và sự tương tác trực tiếp với người xem (Goldberg, 2011). Những yếu tố này tạo nên tính tức thời, tính không lặp lại và khả năng kiến tạo ý nghĩa ngay trong quá trình trình diễn (Phelan, 1993). Vì vậy, mỗi buổi trình diễn là một trải nghiệm riêng biệt, chịu ảnh hưởng của bối cảnh, không gian và sự tham gia của công chúng (Auslander, 2008).

Trong thực tiễn sáng tác, nghệ thuật trình diễn thường được thể hiện dưới hai hình thức chính: trình diễn ngẫu biến (improvisational performance), trong đó hành động được hình thành ngay trong quá trình thực hiện; và trình diễn dàn dựng (staged performance), được chuẩn bị trước về ý tưởng và cấu trúc nhưng vẫn lấy hành động trực tiếp của nghệ sĩ làm trung tâm (Phelan, 1993; Goldberg, 2011). Dù khác nhau về cách thức tổ chức, cả hai hình thức này đều nhấn mạnh vai trò của cơ thể, thời gian và trải nghiệm trong việc kiến tạo ý nghĩa của tác phẩm (Jones, 1998).

Xét trong thực tiễn sáng tác, tác phẩm *The Lovers* (1988) của Marina Abramović và Ulay là sự kết hợp giữa hai hình thức trình diễn này (Racanović, 2017). Tác phẩm mang tính dàn dựng khi ý tưởng về hành trình được chuẩn bị từ năm 1983 nhưng đồng thời cũng chịu tác động của nhiều yếu tố ngoài dự kiến như sự rạn nứt trong mối quan hệ của hai nghệ sĩ, những trở ngại trong quá trình thực hiện và sự can thiệp của các yếu tố khách quan (McEvelley, 2010). Những đặc điểm này là cơ sở để phân tích bối cảnh sáng tác của Marina Abramović và Ulay trong giai đoạn 1976-1988, từ đó làm rõ ý nghĩa biểu tượng về tình yêu và sự chia ly trong tác phẩm *The Lovers* (Abramović & Ulay, 1997; Biesenbach, 2010; Iverson, 2008).

2.2. Tác phẩm *The Lovers* trong thực hành nghệ thuật của Marina Abramović và Ulay

2.2.1. Marina Abramović và Ulay trong nghệ thuật trình diễn

Marina Abramović và Ulay (Frank Uwe Laysiepen, 1943-2020) là hai nghệ sĩ trình diễn tiêu biểu của

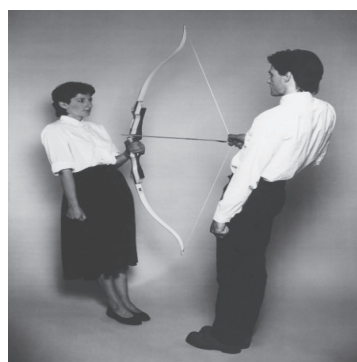
nghệ thuật đương đại châu Âu, có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của nghệ thuật trình diễn từ thập niên 1970. Sau khi gặp nhau tại Amsterdam, cả hai bắt đầu hợp tác từ năm 1976 đến năm 1988, đồng thời gắn kết chặt chẽ đời sống cá nhân với thực hành nghệ thuật. Họ xem mình như một thực thể sáng tạo thống nhất, được gọi là *That Self*, trong đó cơ thể, thời gian và sự tương tác giữa hai cá nhân trở thành chất liệu chính của tác phẩm. Quan niệm sáng tác của Marina Abramović và Ulay chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nghệ thuật ý niệm, đề cao vai trò của ý tưởng và quá trình hơn sản phẩm vật chất. Hai nghệ sĩ sử dụng cơ thể như một phương tiện biểu đạt để khám phá các vấn đề về giới hạn thể chất, niềm tin, bản sắc cá nhân và mối quan hệ giữa con người với nhau. Thông qua hành động trình diễn, họ mở rộng quan niệm về tác phẩm nghệ thuật, từ một đối tượng hữu hình thành một trải nghiệm được hình thành trong không gian và thời gian thực.

Trong quá trình hoạt động, hai nghệ sĩ đã thực hiện nhiều tác phẩm có ảnh hưởng như *Relation in Space* (1976), *Imponderabilia* (1977), *Breathing In/Breathing Out* (1977), *AAA-AAA* (1978), *Rest Energy* (1980) và chuỗi trình diễn *Nightsea Crossing* (1981-1987). Các tác phẩm này đều khai thác cơ thể, sự tương tác, lòng tin và giới hạn chịu đựng như những yếu tố trung tâm của nghệ thuật trình diễn. Bên cạnh đó, các sáng tác độc lập như *Rhythm 0* (1974) của Marina Abramović và *S/he* (1972-1973) của Ulay cũng cho thấy sự quan tâm của hai nghệ sĩ đối với việc sử dụng cơ thể để đặt ra những vấn đề về quyền lực, bản sắc và trải nghiệm của con người.

Ảnh 2: *Relation in Time*, 1977



Ảnh 3: Marina Abramović và Ulay trong tác phẩm *Rest Energy* (1980).



Nguồn: MoMA (n.d.)

Trên nền tảng hơn 10 năm hợp tác nghệ thuật, *The Lovers* (1988) trở thành tác phẩm cuối cùng của Marina Abramović và Ulay. Không chỉ kế thừa những quan niệm sáng tác đã được hình thành trong các thực hành trước đó, tác phẩm còn đánh dấu sự kết thúc của cả mối quan hệ nghệ thuật và tình cảm giữa hai nghệ sĩ, qua đó giữ vị trí đặc biệt trong lịch sử nghệ thuật trình diễn đương đại.

2.2.2. Bối cảnh ra đời của *The Lovers*

Tác phẩm *The Lovers* được Marina Abramović và Ulay khởi xướng vào năm 1983 với ý tưởng thực hiện một cuộc gặp gỡ trên Vạn Lý Trường Thành (Trung Quốc). Theo kế hoạch ban đầu, mỗi nghệ sĩ sẽ xuất phát từ hai đầu đối diện của công trình, đi bộ đến điểm giữa để gặp nhau và tổ chức lễ kết hôn. Dự án được xây dựng như một thực hành nghệ thuật kết hợp giữa hành trình, cơ thể và không gian, phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa hai nghệ sĩ trong cả đời sống cá nhân và quá trình sáng tác. Tuy nhiên, quá trình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn do các thủ tục cấp phép và quy định quản lý của phía Trung Quốc, khiến việc thực hiện bị trì hoãn trong nhiều năm. Đến khi được chấp thuận vào năm 1988, mối quan hệ giữa Marina Abramović và Ulay đã xuất hiện những rạn nứt không thể hàn gắn. Sự thay đổi của hoàn cảnh thực tế đã làm thay đổi ý niệm ban đầu của tác phẩm, từ một hành trình hướng đến hôn nhân trở thành một cuộc gặp gỡ để chia tay. Chính bối cảnh đặc biệt này đã tạo nên ý nghĩa khác biệt của *The Lovers* so với dự định ban đầu.

2.2.3. Quá trình thực hiện tác phẩm

Năm 1988, Marina Abramović và Ulay chính thức thực hiện *The Lovers* bằng một cuộc đi bộ kéo dài khoảng 90 ngày trên Vạn Lý Trường Thành. Marina Abramović xuất phát từ phía Đông, gần khu vực Biển Bột Hải, trong khi Ulay khởi hành từ phía Tây, gần sa mạc Gobi. Hai nghệ sĩ đi bộ từ hai đầu đối diện của Vạn Lý Trường Thành trên quãng đường gần 2.000km trước khi gặp nhau tại điểm giữa thuộc tỉnh Thiểm Tây.

Ảnh 4: Marina Abramović và Ulay gặp nhau tại Thiểm Tây.



Ảnh trích từ phim tài liệu *The Lovers: The Great Wall Walk* (Những người yêu nhau: Cuộc hành trình trên Vạn Lý Trường Thành). Nguồn Lưu trữ Marina Abramović, Quỹ ULAY, Ljubljana, LI-MA Amsterdam và Phòng trưng bày SPURS, Bắc Kinh.

Sau hành trình kéo dài ba tháng, hai nghệ sĩ gặp nhau tại điểm hẹn trên Vạn Lý Trường Thành. Thay vì thực hiện lễ kết hôn như dự định ban đầu, Marina Abramović và Ulay nói lời chia tay, khép lại 12 năm gắn bó trong cả đời sống và nghệ thuật. Toàn bộ hành trình, từ lúc mỗi người xuất phát đến cuộc gặp cuối cùng trên Vạn Lý Trường Thành, chính là tác phẩm. Ở đó, cơ thể, thời gian và không gian không chỉ là bối cảnh mà trở thành chất liệu của nghệ thuật, những yếu tố cấu thành tác phẩm.

2.3. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của tác phẩm *The Lovers*

2.3.1. Hành trình và sự chuyển hóa

Trong *The Lovers* (1988), hành trình đi bộ không đơn thuần là phương thức thực hiện tác phẩm mà còn là biểu tượng của thời gian và sự chuyển hóa trong mối quan hệ giữa Marina Abramović và Ulay. Thay vì tạo ra một đối tượng nghệ thuật hữu hình, tác phẩm được hình thành từ toàn bộ quá trình hai nghệ sĩ di chuyển từ hai đầu đối diện của Vạn Lý Trường Thành để gặp nhau sau ba tháng. Vì vậy, giá trị của tác phẩm không nằm ở một khoảnh khắc, một hiện vật hay một bức tranh mà là toàn bộ trải nghiệm của cuộc hành trình ấy, nơi mỗi bước đi đều trở thành một phần của trải nghiệm nghệ thuật.

Ở *The Lovers*, thời gian mang một ý nghĩa đặc biệt, là yếu tố biểu tượng quan trọng của tác phẩm. Hành trình kéo dài khoảng 90 ngày không chỉ phản ánh sự vận động của cơ thể trong thời gian thực mà còn ghi dấu sự thay đổi trong mối quan hệ giữa hai nghệ sĩ. Đặc biệt, khoảng thời gian từ khi hình thành ý tưởng vào năm 1983 đến khi tác phẩm được thực hiện năm 1988 đã làm thay đổi ý nghĩa ban đầu của dự án. Ban đầu, cuộc gặp trên Vạn Lý Trường Thành được dự định để mở đầu cho một lễ kết hôn nhưng khi tác phẩm được thực hiện, cuộc gặp lại trở thành lời chia tay sau 12 năm gắn bó trong cả nghệ thuật và đời sống. Thời gian vì thế không chỉ là khoảng thời gian của hành trình mà còn là yếu tố làm thay đổi chính ý nghĩa của tác phẩm, khiến *The Lovers* có một ý nghĩa thật đặc biệt.

Không gian cũng góp phần tạo nên ý nghĩa biểu tượng của *The Lovers*. Việc lựa chọn Vạn Lý Trường Thành - một công trình có quy mô lớn, trải dài qua nhiều vùng địa hình khiến khoảng cách địa lý trở thành một thành tố của ý niệm nghệ thuật. Hai nghệ sĩ xuất phát từ hai đầu đối diện và chỉ gặp nhau tại điểm giữa sau một hành trình dài. Qua đó, khoảng cách không còn mang ý nghĩa vật lý đơn thuần mà trở thành biểu tượng của sự xa cách, những giới hạn và sự thay đổi trong mối quan hệ của họ.

Bên cạnh thời gian và không gian, cơ thể là chất liệu biểu đạt trung tâm của tác phẩm. Toàn bộ hành

trình được thực hiện bằng chính sự hiện diện và vận động của cơ thể. Những thử thách về thể lực, điều kiện tự nhiên và quá trình di chuyển liên tục đã biến cơ thể thành nơi ghi nhận dấu vết của thời gian và trải nghiệm, đồng thời truyền tải những biến đổi về tâm lý và cảm xúc của hai nghệ sĩ trong suốt hành trình. Có thể thấy, hành trình trong *The Lovers* là sự kết hợp giữa thời gian, không gian và cơ thể để tạo nên biểu tượng của sự chuyển hóa. Tác phẩm không hướng đến việc tạo ra một sản phẩm vật chất mà lấy chính quá trình thực hiện làm nội dung biểu đạt. Điều này thể hiện rõ đặc trưng của nghệ thuật trình diễn khi sử dụng hành động và trải nghiệm làm chất liệu sáng tạo, đồng thời phản ánh tư duy của nghệ thuật ý niệm với việc đề cao ý tưởng và quá trình hơn kết quả cuối cùng.

2.3.2. Biểu tượng tình yêu và chia ly

Bên cạnh biểu tượng về thời gian và sự chuyển hóa, *The Lovers* còn gợi mở một cách nhìn khác về tình yêu và chia ly. Thay vì xem tình yêu là một trạng thái ổn định hướng đến sự gắn kết lâu dài, tác phẩm cho thấy tình yêu luôn vận động và có thể thay đổi dưới tác động của thời gian, hoàn cảnh và lựa chọn của mỗi cá nhân. Vì thế, cuộc gặp cuối cùng trên Vạn Lý Trường Thành không chỉ đánh dấu sự kết thúc của một mối quan hệ mà còn trở thành biểu tượng của sự chấp nhận và buông bỏ.

Điều này được thể hiện rõ qua sự thay đổi giữa ý tưởng ban đầu và kết quả cuối cùng của tác phẩm. Sự thay đổi ấy cho thấy ý nghĩa của tác phẩm không nằm hoàn toàn ở ý định ban đầu mà được hình thành ngay trong quá trình thực hiện. Bởi vậy, cuộc chia tay không chỉ mang ý nghĩa cá nhân mà còn gợi suy ngẫm về những đổi thay trong các mối quan hệ của con người.

Biểu tượng của tình yêu còn được thể hiện qua việc lựa chọn Vạn Lý Trường Thành làm không gian trình diễn. Công trình này không chỉ là nơi diễn ra tác phẩm mà còn gợi lên khoảng cách, những ranh giới và thử thách trong một mối quan hệ. Bởi vậy, cuộc gặp cuối cùng của hai nghệ sĩ không chỉ mang ý nghĩa cá nhân mà còn trở thành hình ảnh ẩn dụ về sự đổi thay của tình yêu trước thời gian và hoàn cảnh.

Một điểm đáng chú ý khác là sự tương phản giữa tên gọi *The Lovers* và kết thúc của tác phẩm. Nếu tên gọi gợi đến sự gắn bó thì cuộc gặp cuối cùng lại khép lại một mối quan hệ. Chính sự đối lập ấy mở ra nhiều cách diễn giải, từ sự trưởng thành của tình yêu, khả năng chấp nhận chia ly đến những kết nối vẫn còn tiếp tục sau khi một mối quan hệ kết thúc. Vì vậy, *The Lovers* không chỉ kể câu chuyện của Marina Abramović và Ulay mà còn chạm đến những trải nghiệm phổ quát về tình yêu, chia ly và sự đổi thay. Đó cũng là lý do tác phẩm vẫn tiếp tục gợi nhiều suy ngẫm trong nghệ thuật đương đại. Việc chuyển trọng tâm từ kết quả sang quá trình, từ vật thể sang trải nghiệm và từ ý nghĩa cố định sang khả năng diễn giải đa chiều đã góp phần tạo nên giá trị bền vững của tác phẩm trong nghệ thuật đương đại.

2.3.3. Giá trị đương đại của tác phẩm

Nếu cuộc gặp gỡ trên Vạn Lý Trường Thành đánh dấu sự kết thúc mối quan hệ giữa Marina Abramović và Ulay thì đối với người xem, đó không phải là điểm kết thúc duy nhất của tác phẩm. Những tư liệu, hình ảnh và câu chuyện xoay quanh hành trình này đã giúp tác phẩm tiếp tục được nhìn nhận và diễn giải trong nhiều bối cảnh khác nhau, nhờ đó ý nghĩa của *The Lovers* cũng không ngừng được mở rộng theo thời gian.

Ảnh 5: Marina Abramović và Ulay tại buổi trình diễn *The Artist Is Present* (2010)



Giá trị tiếp nối của *The Lovers* được thể hiện rõ qua cuộc gặp lại giữa Marina Abramović và Ulay trong buổi trình diễn *The Artist Is Present* của bà tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại New York (MoMA) năm 2010. Trong suốt 736 giờ trình diễn (hơn 2,5 tháng), Marina Abramović ngồi lặng im đối diện từng khán giả, kết nối chỉ bằng ánh nhìn, qua đó khám phá sức mạnh của sự hiện diện, sự im lặng và mối liên kết giữa con người với con người. Bất kỳ khán giả nào cũng có thể đến lượt, ngồi xuống chiếc ghế đối diện và nhìn sâu vào mắt bà mà không được nói chuyện hay chạm vào nhau. Sự xuất hiện bất ngờ của Ulay trong buổi trình diễn này sau hơn hai thập kỷ kể từ cuộc chia tay trên Vạ Lý Trường Thành đã tạo nên một khoảnh khắc giàu cảm xúc mà không cần bất kỳ lời thoại nào.

Cuộc gặp này được công chúng và giới nghiên cứu nhìn nhận như một sự tiếp nối tự nhiên của *The Lovers*, mở ra một tầng ý nghĩa mới cho tác phẩm. Từ góc nhìn nghệ thuật đương đại, *The Lovers* không hề khép lại trên Vạ Lý Trường Thành vào năm 1988 mà vẫn tiếp tục sống, dịch chuyển và được tái diễn giải qua thời gian. Chính khả năng liên tục đối thoại với ký ức, thời gian và công chúng đã tạo nên sức sống trường tồn cho tác phẩm. Nếu trước đây *The Lovers* thường được xem là biểu tượng của sự chia ly thì cuộc gặp năm 2010 lại cho thấy ký ức, sự đồng cảm và những kết nối giữa con người vẫn có thể tiếp tục tồn tại, ngay cả khi một mối quan hệ đã khép lại.

3. Kết luận

Trong bối cảnh nghệ thuật đương đại, *The Lovers* của Marina Abramović và Ulay là tác phẩm tiêu biểu cho sự kết hợp giữa nghệ thuật trình diễn và nghệ thuật ý niệm. Thông qua hành trình gặp gỡ và chia tay trên Vạ Lý Trường Thành, tác phẩm chuyển trọng tâm từ hình thức biểu đạt sang trải nghiệm, hành động và ý tưởng, trong đó cơ thể, thời gian và không gian trở thành những yếu tố cấu thành ý nghĩa. Phân tích tác phẩm cho thấy *The Lovers* không chỉ phản ánh câu chuyện cá nhân của hai nghệ sĩ mà còn mở rộng thành biểu tượng của tình yêu, sự chia ly và những biến đổi trong các mối quan hệ của con người. Giá trị của tác phẩm không nằm ở kết quả cuối cùng mà ở quá trình thực hiện và khả năng gợi mở nhiều cách diễn giải khác nhau. Qua đó, *The Lovers* khẳng định vai trò của nghệ thuật trình diễn và nghệ thuật ý niệm trong việc mở rộng phương thức biểu đạt của nghệ thuật đương đại, đồng thời cho thấy sức sống lâu dài của một tác phẩm thông qua quá trình tiếp nhận và diễn giải của công chúng.

Tài liệu tham khảo

- Abramović, M., & Ulay. (1997). *Ulay/Abramović: Performances 1976-1988*. Stedelijk Van Abbemuseum Eindhoven.
- Auslander, P. (2008). *Liveness: Performance in a mediatized culture* (2nd ed.). Routledge.
- Bianchi, G. (2022). Marina Abramović e Ulay, Relation in Space. piano b. *Arti e culture visive*, 7(1). <https://doi.org/10.6092/issn.2531-9876/15576>.
- Biesenbach, K. (Ed.). (2010). *Marina Abramović: The artist is present*. The Museum of Modern Art.
- Đinh Gia Lê (2016). *Tìm hiểu nghệ thuật đương đại Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Goldberg, R. (2011). *Performance art: From futurism to the present* (3rd ed.). Thames & Hudson.
- Irish Museum of Modern Art - IMMA (n.d.). *WHAT IS - Modern & Contemporary Art?* <https://www.imma.ie/en/downloads/whatismodernandcontemporaryart.pdf>.
- The Museum of Modern Art - MoMA (n.d.). *Contemporary art*. <https://www.moma.org/collection/terms/contemporary-art>.
- Iverson, K. D. (2008). *The meaning of the touch: Early relation work of Marina Abramović and Ulay (Master's thesis, Stony Brook University)*. Stony Brook University Repository. <https://dspace.sunyconnect.suny.edu/items/a4e5427e-57a5-42f8-8d5c-a33b841229b6>.
- Jones, A. (1998). *Body art/Performing the subject*. University of Minnesota Press.
- McEvelley, T. (1983). Marina Abramović & Ulay. *Artforum*, 22(1), 52-55.
- McEvelley, T. (2010). *Art, love, friendship: Marina Abramović and Ulay, together & apart*. McPherson & Company.
- Phelan, P. (1993). *Unmarked: The politics of performance*. Routledge.
- Phipps, J. A. (1981). Marina Abramović/Ulay/Ulay/Marina Abramović. *Art & Text*, 3, 43-50.
- Racanović, S. (2017). Abramović-Ulay 1980-1988: Desert storm survivors. *Poznańskie Studia Slawistyczne*, 13, 327-340. <https://doi.org/10.14746/pss.2017.13.21>.